TỪ TRI THỨC LÝ LUẬN ĐẾN NĂNG LỰC TỰ ĐỊNH HƯỚNG THÔNG TIN CỦA SINH VIÊN TRÊN MẠNG XÃ HỘI: YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

TRỊNH THỊ NGHĨA
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 12/9/2026. Sửa chữa xong 20/10/2026. Duyệt đăng 25/10/2026.

Abstract

The growth of social media exposes university students to a multidimensional information environment containing substantial amounts of unverified, misleading, or inaccurate content. Developing students' ability to independently orient their cognition and information-related behavior is therefore a shared responsibility of multiple stakeholders and educational activities within higher education institutions. Political theory courses can contribute to this process through their disciplinary knowledge, methodological foundations, and analysis of political and social issues, helping students process information proactively and on the basis of evidence. This article proposes the concept of "autonomous information navigation competence," comprising five components: identification, verification, analysis, evaluation, and response. It also examines the contribution of political theory teaching to developing this competence and proposes approaches for integrating it into the teaching and learning process.

Keywords: *Autonomous information navigation, critical thinking, political theory, social media, university students.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh của mạng xã hội (MXH) và chuyển đổi số đã làm thay đổi sâu sắc môi trường tiếp nhận thông tin của sinh viên (SV). Trên Facebook, TikTok, YouTube và các nền tảng số, thông tin được tạo lập, chia sẻ, tái cấu trúc liên tục, khiến ranh giới giữa dữ kiện và bình luận, giữa sự thật và cách diễn giải ngày càng khó nhận diện; đồng thời làm gia tăng nguy cơ tiếp nhận thông tin thiếu căn cứ, sai lệch hoặc bị tách khỏi bối cảnh.

Lan và Tung (2024) cho thấy SV Việt Nam sử dụng TikTok nhận thức được sự tồn tại của tin giả nhưng mức độ tin cậy vẫn chịu ảnh hưởng bởi uy tín người tạo nội dung, tương tác cộng đồng và sự quen thuộc với tài khoản. Orhan (2023) chỉ ra tư duy phản biện và năng lực truyền thông mới có quan hệ tích cực với khả năng phát hiện tin giả; Galindo-Domínguez, Bezanilla và Campo (2025) cũng cho thấy MXH có thể hỗ trợ phát triển tư duy phản biện nếu hoạt động giáo dục được tổ chức phù hợp.

Ở Việt Nam, Đặng Thanh Phương (2023) nhấn mạnh nâng cao "sức đề kháng" trước thông tin xấu độc; Nguyễn Thị Hương (2025) tập trung vào phát triển tư duy phản biện; Phạm Minh Sơn và Phan Thị Thanh Hải (2026) tiếp cận từ yêu cầu kiến tạo hệ sinh thái truyền thông số trong giáo dục lý luận chính trị (LLCT). Tuy nhiên, vẫn cần làm rõ khoảng cách giữa việc SV được trang bị tri thức lý luận và khả năng vận dụng chính tri thức ấy để tự xử lý thông tin cụ thể trên MXH. Từ đó, bài viết sử dụng khái niệm "năng lực tự định hướng thông tin" để chỉ khả năng SV chủ động nhận diện, kiểm chứng, phân tích, đánh giá thông tin trên cơ sở tri thức khoa học, tư duy phản biện, chuẩn mực giá trị và trách nhiệm xã hội, lựa chọn thái độ và hành vi phù hợp. Cách tiếp cận này tương thích với yêu cầu khai thác và đánh giá độ tin cậy của thông tin trong Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và DigComp 2.2 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025; Vuorikari et al., 2022). Trên cơ sở đó bài viết làm rõ

Email: nghiatt@tnus.edu.vn

nội hàm của năng lực này, khả năng đóng góp của các môn LLCT và đề xuất một số định hướng tích hợp trong quá trình dạy học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực tự định hướng thông tin của sinh viên và vai trò của các môn Lý luận chính trị

Trong giáo dục đại học, tri thức là nền tảng nhưng không phải điểm kết thúc của quá trình đào tạo. Một người học có năng lực không chỉ là người "biết" một hệ thống kiến thức mà còn phải có khả năng lựa chọn và vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong những bối cảnh mới. Đối với các môn LLCT, yêu cầu này càng có ý nghĩa khi nội dung môn học trực tiếp liên quan đến thế giới quan, phương pháp luận, các quy luật của đời sống kinh tế - xã hội và những vấn đề về chính trị, nhà nước, dân chủ, dân tộc, văn hóa, lịch sử và con người.

Nếu coi mục tiêu của môn học chỉ là giúp SV ghi nhớ những khái niệm, nguyên lý và kết luận đã có thì khả năng tác động của tri thức lý luận đối với đời sống nhận thức của SV sẽ bị thu hẹp. Ngược lại, khi các khái niệm, nguyên lý và quan điểm được chuyển hóa thành công cụ phân tích thực tế, tri thức lý luận có thể trở thành một "bộ công cụ nhận thức" giúp người học quan sát, chất vấn, kiểm chứng và đánh giá những hiện tượng mới.

Có thể hiểu năng lực tự định hướng thông tin của SV là khả năng chủ động xác định giá trị của thông tin mà mình tiếp nhận, thông qua quá trình nhận diện vấn đề, kiểm chứng nguồn, phân tích nội dung, đánh giá căn cứ và lựa chọn cách ứng xử phù hợp trên cơ sở tri thức khoa học, tư duy độc lập và trách nhiệm xã hội. "Tự định hướng" ở đây không đồng nghĩa với việc mỗi cá nhân tùy ý lựa chọn điều mình muốn tin; ngược lại, đó là khả năng thoát khỏi sự chi phối thuần túy của cảm xúc, áp lực số đông, độ nổi tiếng của người đăng hoặc thuật toán gợi ý để hình thành nhận định dựa trên căn cứ.

Bảng 1: Cấu trúc năng lực tự định hướng thông tin và gợi ý tích hợp vào giảng dạy các môn LLCT

Thành tố năng lực	Biểu hiện cơ bản	Liên hệ với tri thức LLCT	Gợi ý tổ chức dạy học
Nhận diện	Xác định vấn đề; phân biệt dữ kiện, bình luận và suy diễn; nhận ra nội dung giật tít hoặc kích động cảm xúc.	Cái riêng - cái chung; bản chất - hiện tượng; nguyên tắc khách quan.	Phân tích bài đăng, video ngắn, infographic; chỉ ra luận điểm chính và lớp thông tin cảm xúc.
Kiểm chứng	Xác định nguồn ban đầu, tác giả, thời điểm; đối chiếu nguồn chính thức và nguồn độc lập; kiểm tra bối cảnh.	Quan điểm lịch sử - cụ thể; tôn trọng sự thật khách quan.	Truy tìm nguồn gốc nội dung; so sánh nhiều nguồn về cùng một sự kiện.
Phân tích	Đặt thông tin trong bối cảnh; xem xét nguyên nhân, điều kiện và các mối quan hệ; phát hiện sự phiến diện.	Quan điểm toàn diện, phát triển; nguyên nhân - kết quả; các tri thức kinh tế, chính trị, xã hội.	Phân tích tình huống thực tiễn và yêu cầu SV sử dụng khái niệm, nguyên lý để giải thích.
Đánh giá	Xác định mức độ đáng tin; nhận diện lập luận thiếu căn cứ; hình thành phán đoán độc lập.	Phương pháp luận khoa học; tư duy phản biện; hệ giá trị.	Tranh luận theo cấu trúc quan điểm - bằng chứng - lập luận - kết luận.
Ứng xử	Quyết định có nên tin, bình luận hoặc chia sẻ; biết tạm hoãn phán đoán khi chưa đủ căn cứ; phản hồi có trách nhiệm.	Trách nhiệm xã hội, đạo đức, văn hóa và ý thức công dân.	Bài tập ra quyết định; sản xuất nội dung số có dẫn nguồn; phản hồi văn minh trước thông tin gây tranh luận.

Bảng 1 cho thấy năng lực tự định hướng thông tin có thể được cấu trúc thành năm thành tố liên tục: nhận diện - kiểm chứng - phân tích - đánh giá - ứng xử. 5 thành tố này không tồn tại tách rời mà tạo thành một quy trình nhận thức và hành động. Người học càng thường xuyên thực hành quy trình đó trong môi trường giáo dục thì khả năng vận dụng khi gặp thông tin thực tế càng cao.

Các môn LLCT không phải là những học phần đào tạo kỹ năng kiểm chứng thông tin theo nghĩa kỹ thuật. Tuy nhiên, với đặc trưng về nội dung và phương pháp, các môn học này có thể đóng góp vào quá trình hình thành năng lực tự định hướng thông tin thông qua việc cung cấp cho SV khung tri thức, phương pháp luận và hệ giá trị để xem xét các hiện tượng chính trị - xã hội.

Triết học Mác-Lênin cung cấp nền tảng phương pháp luận cho quá trình nhận thức. Những nguyên tắc như khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể; các cặp phạm trù bản chất - hiện tượng, nguyên nhân - kết quả, cái riêng - cái chung, khả năng - hiện thực có thể trở thành công cụ trực tiếp để

phân tích thông tin. Một video ghi lại một hiện tượng có thật không đồng nghĩa với việc cách giải thích đi kèm video đó cũng đúng. Từ một hiện tượng cá biệt, người đăng có thể đưa ra kết luận khái quát cho cả một nhóm xã hội hoặc một chính sách. Nếu SV vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa bản chất và hiện tượng, các em có thể nhận ra giới hạn của suy luận đó.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin tạo cơ sở để SV phân tích những thông tin liên quan đến giá cả, tiền lương, thị trường, doanh nghiệp, việc làm, lợi nhuận, phân phối và các vấn đề kinh tế - xã hội. MXH thường có xu hướng đơn giản hóa những hiện tượng kinh tế phức tạp thành một nguyên nhân duy nhất hoặc sử dụng một trường hợp gây chú ý để đưa ra kết luận lớn. Khi có nền tảng kinh tế chính trị, SV có điều kiện nhận thức rằng một hiện tượng kinh tế thường được tạo nên bởi nhiều mối quan hệ và điều kiện cần được xem xét trong cấu trúc chứ không thể chỉ dựa trên cảm nhận tức thời.

Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cơ sở lý luận để SV tiếp cận các vấn đề về cơ cấu xã hội, dân chủ, nhà nước, dân tộc, tôn giáo, gia đình và những biến đổi của xã hội hiện đại. Giá trị của môn học không nằm ở việc chuẩn bị một bộ "câu trả lời đóng" cho mọi tranh luận mà ở việc giúp SV có hệ thống khái niệm và tiêu chí để xem xét vấn đề trong quan hệ giữa lý luận và thực tiễn.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có thể hỗ trợ SV khi tiếp cận những nội dung liên quan đến lịch sử, nhân vật, chính sách và các sự kiện chính trị. Trong môi trường mạng, những đoạn trích ngắn hoặc thông tin lịch sử thiếu bối cảnh có thể được lan truyền nhanh chóng. Vũ Tuấn Hà (2026) cho thấy nội dung lịch sử Việt Nam trên TikTok và YouTube có khả năng tác động đến nhận thức, thái độ và lối sống của SV. Kết quả này gợi ra sự cần thiết phải giúp SV không chỉ "biết lịch sử" mà còn biết đánh giá nguồn tư liệu, đặt dữ kiện vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể và phân biệt giữa sự kiện với cách diễn giải sự kiện. Từ góc độ tổng thể cho thấy, các môn LLCT có thể góp phần hình thành ba tầng nền tảng cho năng lực tự định hướng thông tin: nền tảng tri thức, nền tảng phương pháp luận và nền tảng giá trị - trách nhiệm. Đây là điểm khác với cách tiếp cận chỉ nhấn mạnh "sức đề kháng" trước thông tin xấu độc. Cách tiếp cận năng lực tự định hướng nhấn mạnh tính chủ thể của SV trong toàn bộ quá trình nhận thức, kể cả trước những thông tin chưa thể phân loại ngay là đúng hay sai.

2.2. Những vấn đề đặt ra đối với giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh mạng xã hội

2.2.1. Khoảng cách giữa tri thức được học và khả năng vận dụng tri thức để xử lý thông tin

Sinh viên có thể trả lời đúng câu hỏi về một nguyên lý nhưng chưa chắc nhận ra nguyên lý ấy khi nó xuất hiện dưới dạng một vấn đề thực tiễn. Kiến thức lý luận có tính khái quát cao, trong khi thông tin trên MXH lại cụ thể, nhanh, ngắn và thường được trình bày bằng hình ảnh hoặc cảm xúc. Nếu hoạt động giảng dạy chỉ diễn ra ở tầng khái niệm mà thiếu những cầu nối sang tình huống thực tế, SV dễ hình thành hai "không gian nhận thức" tách biệt: một không gian dành cho bài học và kỳ thi; một không gian khác dành cho cuộc sống và MXH.

Nghiên cứu của Trần Thị Hồng, Nguyễn Thị Trà My và Nguyễn Minh Tuấn (2026) về năng lực số của SV khối khoa học xã hội và nhân văn tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên cho thấy SV thực hiện tương đối tốt việc khai thác thông tin và giao tiếp số nhưng khả năng sáng tạo nội dung và giải quyết vấn đề còn hạn chế; nhận thức về rủi ro số và AI chưa hoàn toàn tương xứng với kỹ năng xử lý thực tế. Kết quả này gợi ra một vấn đề quan trọng: khả năng tiếp cận công nghệ hoặc tần suất sử dụng môi trường số không tự động chuyển hóa thành năng lực xử lý vấn đề số.

2.2.2. Khoảng cách giữa hình thức thông tin trong bài giảng và hình thức thông tin sinh viên tiếp xúc hằng ngày

Giáo trình chủ yếu cung cấp văn bản được tổ chức tuyến tính, có hệ thống và tương đối ổn định. Trong khi đó, SV trên MXH thường tiếp nhận thông tin dạng phi tuyến tính, ngắn, trực quan, có tính tương tác cao và chịu ảnh hưởng của thuật toán đề xuất. Một clip 30 giây có thể tác động cảm xúc mạnh hơn nhiều trang văn bản; một infographic đẹp có thể tạo cảm giác đáng tin cậy dù số liệu không rõ nguồn; một tài khoản có hàng trăm nghìn người theo dõi có thể được mặc nhiên xem là có thẩm quyền. Sự khác biệt này đặt ra yêu cầu giảng dạy không chỉ truyền đạt nội dung đúng mà còn giúp SV

nhận diện cách thức thông tin được định dạng, nhấn mạnh và lan truyền trên nền tảng số. Khi hiểu được đặc điểm của thông tin đa phương thức và tác động của thuật toán đề xuất, SV có cơ sở tốt hơn để tách sức hấp dẫn của hình thức khỏi độ tin cậy của nội dung.

2.2.3. Yêu cầu chuyển từ tiếp nhận một chiều sang đối thoại và phản biện có căn cứ

Trong bối cảnh thông tin đa chiều, cách dạy chỉ tập trung vào truyền đạt kết luận có thể không đủ để tạo ra năng lực nhận thức bền vững. SV cần hiểu không chỉ "kết luận nào đúng" mà còn phải biết "tại sao kết luận đó có căn cứ", "những bằng chứng nào được sử dụng", "cách lập luận nào đã dẫn đến kết luận". Nguyễn Thị Hương (2025) cho rằng phát triển tư duy phản biện cần được thực hiện đồng bộ thông qua chương trình, đổi mới phương pháp, đánh giá và xây dựng môi trường học thuật khuyến khích phản biện. Vì vậy, lớp học cần tạo không gian để SV được nêu ý kiến, chất vấn, bảo vệ quan điểm và điều chỉnh nhận định khi xuất hiện bằng chứng thuyết phục hơn. Quá trình đối thoại như vậy giúp chuyển phản biện từ phản ứng cảm tính thành một thao tác học thuật có căn cứ và có trách nhiệm.

2.2.4. Yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá từ tái hiện kiến thức sang đánh giá năng lực vận dụng

Nếu phần lớn câu hỏi yêu cầu trình bày, nêu, phân tích nội dung có sẵn trong giáo trình, SV có xu hướng ưu tiên ghi nhớ. Trong khi đó, nếu nhiệm vụ đánh giá yêu cầu vận dụng một quan điểm lý luận vào tình huống mới, người học buộc phải hiểu bản chất của kiến thức. Vì vậy, muốn phát triển năng lực tự định hướng thông tin thì năng lực này phải xuất hiện trong chính các nhiệm vụ học tập và đánh giá. Nội dung đánh giá cũng cần chú ý đến quá trình SV đi đến kết luận, chẳng hạn khả năng xác định nguồn, lựa chọn bằng chứng, sử dụng khái niệm lý luận và giải thích căn cứ của phán đoán. Khi tiêu chí đánh giá phản ánh được những thao tác này, người học có động lực vận dụng tri thức thay vì chỉ ghi nhớ để tái hiện.

2.3. Một số định hướng đổi mới giảng dạy các môn Lý luận chính trị nhằm phát triển năng lực tự định hướng thông tin cho sinh viên

2.3.1. Điều chỉnh mục tiêu giảng dạy theo hướng kết hợp tri thức lý luận với năng lực vận dụng

Các môn LLCT vẫn phải bảo đảm cung cấp hệ thống tri thức cơ bản, chính xác và có cấu trúc; không thể thay thế chiều sâu lý luận bằng những hoạt động tình huống rời rạc. Tuy nhiên, mục tiêu cần được mở rộng theo chuỗi: nắm được tri thức - hiểu phương pháp - vận dụng vào tình huống - đánh giá thông tin - lựa chọn cách ứng xử. Ví dụ, khi dạy cặp phạm trù bản chất - hiện tượng, mục tiêu không nên dừng ở việc SV nêu được khái niệm và mối quan hệ mà cần hướng đến khả năng nhận diện lỗi suy luận khi một nội dung MXH sử dụng một hiện tượng đơn lẻ để kết luận về bản chất của một vấn đề.

2.3.2. Tích hợp tình huống thông tin thực tế trên mạng xã hội vào quá trình dạy học

Giảng viên có thể lựa chọn các tình huống đã được kiểm soát phù hợp với mục tiêu giáo dục: một bài đăng sử dụng số liệu nhưng không ghi nguồn; một đoạn video bị cắt ngắn; một hình ảnh đi kèm chú thích gây hiểu nhầm; một thông tin kinh tế được suy rộng từ trường hợp cá biệt; hai bài viết có cách diễn giải đối lập về cùng một sự kiện; hoặc nội dung do AI tạo sinh chứa thông tin có vẻ hợp lý nhưng sai chi tiết. Tình huống cần được sử dụng như đối tượng phân tích, không phải công cụ để GV áp đặt ngay kết luận.

Quy trình xử lý tình huống có thể dựa trên 5 bước: nhận diện - kiểm chứng - phân tích - đánh giá - ứng xử. Ở bước nhận diện, người học xác định nội dung chính đang được khẳng định là gì, đâu là dữ kiện và đâu là nhận xét. Ở bước kiểm chứng, SV xác định nguồn ban đầu, tác giả, thời điểm và các nguồn xác nhận. Ở bước phân tích, SV sử dụng kiến thức môn học để xem xét mối quan hệ giữa dữ kiện, bối cảnh và kết luận. Ở bước đánh giá, SV xác định mức độ đáng tin cậy, điểm hợp lý và điểm chưa đủ căn cứ. Ở bước ứng xử, người học quyết định nên tin ở mức nào, có cần tìm thêm thông tin, có nên chia sẻ hay không và nếu phản hồi thì cần sử dụng lập luận nào.

2.3.3. Tổ chức hoạt động đối chiếu đa nguồn để hình thành thói quen kiểm chứng

Giảng viên có thể cung cấp cho SV nhiều loại nguồn về cùng một vấn đề: văn bản hoặc nguồn chính thức; bài báo; bài đăng trên MXH; bình luận hoặc video của cá nhân. Nhiệm vụ của SV không phải ngay lập tức xác định "nguồn nào đúng" mà phân tích mỗi nguồn theo các tiêu chí: chủ thể phát ngôn;

mục đích; căn cứ; dữ kiện được lựa chọn; nội dung bị bỏ qua; cách sử dụng ngôn ngữ; khả năng kiểm chứng. Qua đó, SV học cách phân biệt dữ kiện, góc nhìn và cách đóng khung thông tin. Việc đối chiếu đa nguồn cần hướng tới khả năng xếp hạng mức độ tin cậy và giải thích lý do lựa chọn, thay vì dừng ở thao tác liệt kê sự khác nhau giữa các nguồn. Qua thực hành lặp lại, SV từng bước hình thành thói quen kiểm chứng trước khi tin, bình luận hoặc chia sẻ một nội dung trên MXH.

2.3.4. Tăng cường tranh luận học thuật dựa trên bằng chứng và lập luận

Giảng viên cần chuyển trọng tâm từ câu hỏi "em có đồng ý hay không?" sang các câu hỏi "căn cứ của nhận định là gì?", "nguồn nào chứng minh cho điều đó?", "có cách giải thích khác không?", "bằng chứng nào có thể khiến em thay đổi quan điểm?". Cấu trúc quan điểm - bằng chứng - lập luận - kết luận nên được sử dụng thường xuyên. Điều này hình thành thói quen không chấp nhận một quan điểm chỉ vì nó được trình bày mạnh mẽ hoặc nhận được nhiều lượt đồng tình trên mạng. Có thể tổ chức tranh luận theo nhóm với yêu cầu mỗi quan điểm phải kèm nguồn và bằng chứng, đồng thời dành thời gian cho phản hồi và phản biện chéo. Cách tổ chức này giúp SV rèn khả năng lắng nghe, nhận diện điểm mạnh - yếu của lập luận và biết điều chỉnh quan điểm khi căn cứ ban đầu không còn thuyết phục.

2.3.5. Thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với kiểm chứng và sản xuất nội dung có trách nhiệm

Sinh viên có thể được giao xây dựng infographic về một vấn đề kinh tế - xã hội với yêu cầu mọi số liệu phải ghi nguồn; sản xuất video ngắn giải thích một khái niệm lý luận nhưng phải thể hiện đúng bối cảnh; hoặc xây dựng bài "fact-check" cho một thông tin đang lan truyền. Khi trở thành người tạo nội dung, SV phải lựa chọn nguồn, đánh giá nguồn, chuyển hóa nội dung học thuật sang hình thức truyền thông và chịu trách nhiệm về độ chính xác. Đây là quá trình tích hợp tri thức môn học, năng lực số và trách nhiệm công dân. GV nên yêu cầu SV lưu lại nguồn đã sử dụng, giải thích cách lựa chọn thông tin và tự đánh giá rủi ro sai lệch trong sản phẩm của mình. Nhờ đó, trách nhiệm với thông tin được hình thành ngay trong quá trình tạo lập nội dung chứ không chỉ được nhắc đến như một yêu cầu mang tính đạo đức.

2.3.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng đo khả năng vận dụng và tự định hướng

Có thể giảm tỷ trọng những câu chỉ yêu cầu tái hiện máy móc và tăng các câu hỏi tình huống. Chẳng hạn, thay vì chỉ yêu cầu "phân tích nguyên tắc khách quan", đề thi có thể cung cấp một nội dung MXH thiên về cảm xúc và yêu cầu SV chỉ ra những dữ kiện cần kiểm chứng trước khi đưa ra nhận định. Thay vì chỉ hỏi "phân tích quan điểm lịch sử - cụ thể", có thể đưa một phát ngôn lịch sử bị tách khỏi hoàn cảnh và yêu cầu SV xác định các điều kiện lịch sử cần xem xét. Bên cạnh đáp án cuối cùng, thang đánh giá có thể dành điểm cho việc xác định đúng vấn đề, kiểm chứng nguồn, sử dụng bằng chứng và lập luận hợp lý. Cách đánh giá theo quá trình này phù hợp hơn với mục tiêu đo năng lực tự định hướng thông tin, bởi nó cho thấy người học đã sử dụng tri thức như thế nào để đi đến phán đoán.

2.3.7. Phát triển năng lực của giảng viên trong tổ chức dạy học gắn với môi trường thông tin số

Giảng viên LLCT cần tiếp tục cập nhật kiến thức về phương thức vận hành của MXH, thuật toán đề xuất, nội dung AI tạo sinh, deepfake, các kỹ thuật kiểm chứng cơ bản và những xu hướng truyền thông đang tác động đến SV. Điều này không biến GV thành chuyên gia công nghệ mà giúp họ hiểu rõ hơn không gian thông tin mà người học đang tham gia. Các nghiên cứu về chuyển đổi số trong giảng dạy LLCT cũng nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực số của đội ngũ GV (Phạm Thanh Tuấn, 2024); đồng thời, Phạm Minh Sơn và Phan Thị Thanh Hải (2026) đặt giáo dục lý luận chính trị trong một hệ sinh thái truyền thông số với sự phối hợp giữa nhiều chủ thể và nền tảng.

2.3.8. Kết hợp giáo dục Lý luận chính trị với phát triển năng lực số và văn hóa thông tin trong nhà trường

Năng lực tự định hướng thông tin không thể được hình thành chỉ trong một vài tiết học hay chỉ bởi một nhóm môn học. Nhà trường có thể kết nối các môn LLCT với hoạt động thư viện, kỹ năng thông tin, kỹ năng số, truyền thông SV, Đoàn - Hội và các chương trình giáo dục công dân số. UNESCO (2024) coi năng lực truyền thông và thông tin (Media and Information Literacy) là năng lực thiết yếu để con người điều hướng trong hệ sinh thái thông tin phức tạp, đặc biệt trước tin sai lệch, ngôn từ thù ghét và các công nghệ mới. Theo hướng đó, giảng dạy LLCT nên được xem là một bộ phận trong chiến lược

rộng hơn về xây dựng văn hóa thông tin của trường đại học: tôn trọng sự thật, coi trọng nguồn, khuyến khích đặt câu hỏi, tranh luận dựa trên bằng chứng và chịu trách nhiệm với thông tin mình chia sẻ.

3. Kết luận

Sự thay đổi của môi trường truyền thông đặt giáo dục đại học trước yêu cầu tăng cường năng lực xử lý và đánh giá thông tin cho SV. Trong quá trình đó, giảng dạy các môn LLCT có thể đóng góp thông qua việc gắn tri thức và phương pháp luận của môn học với những tình huống thông tin mà SV thường gặp. Vấn đề vì vậy không phải là giao toàn bộ trách nhiệm định hướng thông tin cho các môn LLCT mà là phát huy phần đóng góp phù hợp của các môn học này trong tổng thể hoạt động giáo dục của nhà trường.

Các nghiên cứu những năm gần đây ở Việt Nam và trên thế giới đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ như "sức đề kháng" trước thông tin xấu độc, năng lực truyền thông mới, tư duy phản biện, năng lực số, chuyển đổi số trong giáo dục LLCT và xây dựng hệ sinh thái truyền thông số. Trên nền tảng đó, bài viết đề xuất xem "năng lực tự định hướng thông tin" như một năng lực tích hợp gồm năm thành tố: nhận diện, kiểm chứng, phân tích, đánh giá và ứng xử. Điểm cốt lõi của năng lực này là sự kết hợp giữa tự chủ nhận thức với căn cứ khoa học và trách nhiệm xã hội.

Các môn LLCT có những điều kiện thuận lợi để tham gia vào quá trình này nhưng chỉ thực sự phát huy khi hoạt động giảng dạy tạo cơ hội cho SV vận dụng tri thức vào những vấn đề thực tế và được kết nối với các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Theo hướng đó, đổi mới giảng dạy các môn LLCT có thể chuyển dần từ logic "truyền đạt nội dung - ghi nhớ - tái hiện" sang tăng cường "tri thức - vận dụng - phân tích - đánh giá - hành động". Cách tiếp cận này không làm giảm vai trò của tri thức lý luận mà mở rộng khả năng vận dụng của tri thức trong đời sống nhận thức của SV. Giá trị đóng góp của giảng dạy LLCT trong môi trường số có thể được thể hiện không chỉ ở những gì SV biết mà còn ở khả năng họ sử dụng tri thức lý luận để hỗ trợ quá trình nhận diện, kiểm chứng, phân tích và đánh giá thông tin một cách chủ động và có căn cứ.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*.

Đặng Thanh Phương (2023). Nâng cao "sức đề kháng" cho sinh viên trước những thông tin xấu độc trên không gian mạng. *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*. htmlhttps://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nang-cao-%E2%80%9Csuc-de-khang%E2%80%9D-cho-sinh-vien-truoc-nhung-thong-tin-xau-doc-tren-khong-gian-mang-p27541.html, ngày 07/9/2023.

Galindo-Domínguez, H., Bezanilla, M. J., & Campo, L. (2025). Relationship between social media use and critical thinking in university students. *Education and Information Technologies, 30*, 6641-6665. https://doi.org/10.1007/s10639-024-12953-z.

Lan, D. H., & Tung, T. M. (2024). Exploring fake news awareness and trust in the age of social media among university student TikTok users. *Cogent Social Sciences, 10*(1), 2302216. https://doi.org/10.1080/23311886.2024.2302216.

Nguyễn Thị Hương (2025). Phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên đại học. *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, 31*(9), 95-98. https://doi.org/10.66057/llcttt-30258.

Orhan, A. (2023). Fake news detection on social media: The predictive role of university students' critical thinking dispositions and new media literacy. *Smart Learning Environments, 10*, Article 29. https://doi.org/10.1186/s40561-023-00248-8.

Phạm Minh Sơn, Phan Thị Thanh Hải (2026). Kiến tạo hệ sinh thái truyền thông số trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Lý luận Chính trị*. https://lyluanchinhtri.vn/kien-tao-he-sinh-thai-truyen-thong-so-trong-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-cho-sinh-vien-viet-nam-11443.html, ngày 20/01/2026.

Phạm Thanh Tuấn (2024). Nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy các môn Lí luận chính trị theo hướng chuyển đổi số tại các trung tâm chính trị ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Tạp chí Giáo dục, 24*(Số đặc biệt 11), 192-196.

Trần Thị Hồng, Nguyễn Thị Trà My, Nguyễn Minh Tuấn (2026). Đánh giá năng lực số của sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT: Nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, 231*(12), 474-482. https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14961.

UNESCO. (2024). *Journey through the MILtiverse: Media and information literacy toolkit for youth organizations*. UNESCO.

https://www.unesco.org/en/articles/journey-through-miltiverse.

Vũ Tuấn Hà (2026). Ảnh hưởng của nội dung lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội đến nhận thức, thái độ và lối sống của sinh viên. *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, 32*(1). https://www.vjol.info.vn/tcllcttt-chuyende/vi/article/view/245151/.

Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022). *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens: With new examples of knowledge, skills and attitudes*. Publications Office of the European Union. https://joint-research-centre.ec.europa.eu/digcomp/digcomp-framework_en.